

Số: 90/2021/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 17 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 732/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Hoài M, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 145/2 Bạch Đằng, Phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: Block B, Phòng 22-01, chung cư Him Lam Riverside, Đường D1, phường Tân Hưng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 59, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội; tạm trú: G207 chung cư Hưng Vượng 1, khu Phú Mỹ Hưng, phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2021;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Hoàng Hoài M và ông Nguyễn Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Hoài M và ông Nguyễn Văn N thuận tình ly hôn (theo Giấy công nhận kết hôn số 118 LS/94 đăng ký tại Đại sứ quán CHXHCN Việt Nam tại Liên bang Nga ngày 14/11/1994).

- Về con chung: Vợ chồng trong thời gian chung sống có 01 con chung, họ và tên: Nguyễn Hoàng Hà M (Nữ), sinh ngày 17/03/1995 (đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm giải quyết vụ án dân sự: Bà M tự nguyện chịu tiền án phí là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0041881 ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn trả lại cho bà Minh số tiền 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 7, Tp.HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, Hồ sơ (Sang).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong